



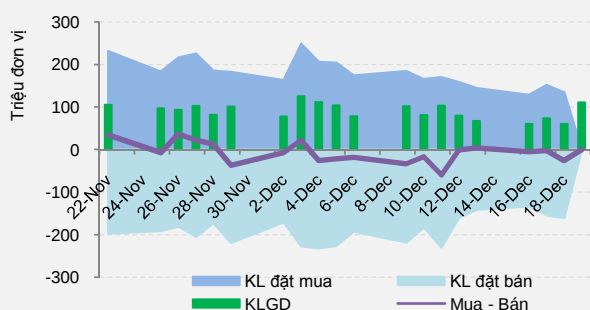
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 19/12/2013

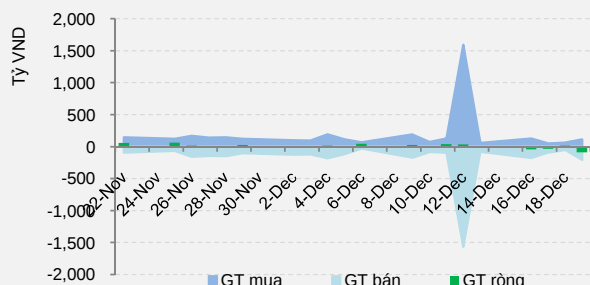
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	506.3	67.6
% Thay đổi	↑ 0.2%	↑ 1.0%
KLGD (CP)	111,083,574	71,106,338
GTGD (tỷ đồng)	1,392.84	573.24
Tổng cung (CP)	-	113,938,300
Tổng cầu (CP)	-	120,234,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,357,130	5,034,960
KL mua (CP)	3,187,180	635,273
GTmua (tỷ đồng)	116.28	6.68
GT bán (tỷ đồng)	204.70	36.59
GT ròng (tỷ đồng)	(88.42)	(29.91)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.01%	7.2	1.6	2.4%
Công nghiệp	↑ 0.84%	244.8	1.1	22.1%
Dầu khí	↓ -1.65%	7.8	1.5	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.68%	14.2	1.9	2.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.83%	8.9	3.0	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.35%	12.4	5.0	8.3%
Ngân hàng	↑ 0.52%	10.7	1.2	7.4%
Nguyên vật liệu	↑ 0.27%	10.2	2.0	8.9%
Tài chính	↑ 0.29%	15.8	2.4	35.7%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.16%	8.8	3.2	8.5%
VN - Index	↑ 0.20%	12.8	2.9	70.8%
HNX - Index	↑ 1.00%	17.2	1.6	29.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	243,040	0.4%	3,494,060	5.6%
GTGD (tỷ VND)	7,222	0.8%	206,191	22.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm với thanh khoản tăng đột biến sau thông tin FED chỉ giảm nhẹ quy mô gói QE3, đẩy giá vàng giảm mạnh. Xét chi tiết trong phiên, áp lực cung giá cao không nhỏ, khi nhà đầu tư quan ngại động thái tái cơ cấu của quỹ ETF và khả năng dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi. Diễn biến này khiến chỉ số VN-Index đóng cửa giảm so với mức cao nhất 508 điểm đã thiết lập trong phiên, khi tiến đến ngưỡng cản của đường MA12 ngày. Điểm tích cực là lực cầu tham gia thị trường khá tốt, tập trung vào nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, không thuộc danh mục ETF, thuộc ngành nghề kỹ vọng khá quan trọng trong năm 2014.

Phiên giao dịch ngày mai dự kiến sẽ sôi động, với tâm điểm giao dịch của quỹ ETF, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu bán ra. Chúng tôi kỳ vọng thị trường tiếp tục diễn biến tăng điểm sau thời điểm quỹ ETF tái cơ cấu, với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là mốc 513-515 điểm.

Đổi với sàn HNX, chỉ số HNX-Index tăng qua ngưỡng cản 67 điểm với thanh khoản tăng đột biến, cho tín hiệu khá tích cực về kỹ thuật. Tuy nhiên, đà tăng của chỉ số được hỗ trợ phần lớn từ nhóm cổ phiếu dầu khí, thanh khoản tập trung tại một nhóm cổ phiếu, độ lan tỏa sang thị trường chung không nhiều. Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường khả năng cần nhịp điều chỉnh tích lũy kiểm định lại mốc 67 điểm, đặc biệt khi phiên giao dịch ngày mai là tâm điểm tái cơ cấu của quỹ ETF, trong đó có bán ra khá mạnh cổ phiếu SHB.

Xét về ngắn hạn, với thông tin và động lực thị trường hiện tại, chúng tôi nghiêng về khả năng thị trường dao động tích lũy, VN-Index trong khoảng 505-515 điểm, HNX-Index trong khoảng 66-67 điểm. Quan điểm về xu hướng tăng trung dài hạn vẫn duy trì. Với xu hướng chung ngắn hạn thị trường dao động hẹp, vấn đề quan trọng ở thời điểm hiện tại là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

- VN-Index tăng 1.03 điểm (0.20%), lên 506.28 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 508.09 điểm.

- HNX-Index tăng 0.68 điểm (1.01%), lên 67.62 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 67.81 điểm.

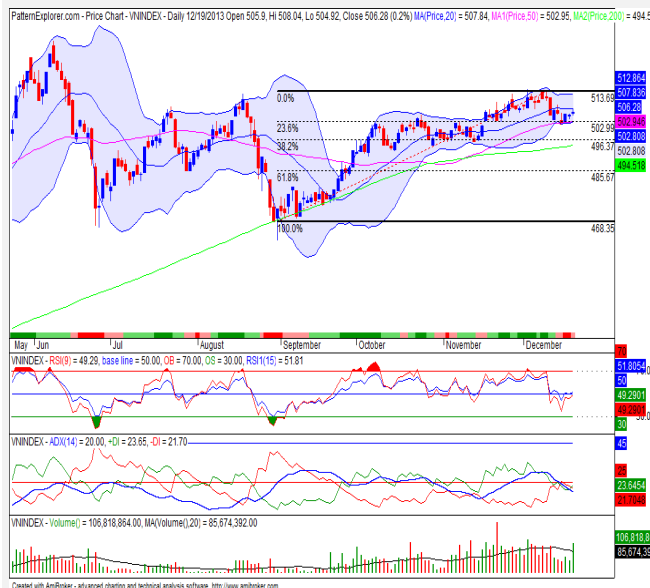
- Cục dự trữ liên bang Mỹ FED quyết định cắt giảm chương trình mua trái phiếu hàng tháng QE3 từ 85 tỷ USD xuống còn 75 tỷ USD, thực hiện từ tháng 1/2014. Mức lãi suất thấp gần 0% vẫn được duy trì cho đến khi tỷ lệ thất nghiệp chạm 6.5% và lạm phát chạm mốc 2.5%.

- Mức cắt giảm 10 tỷ USD là tương đương với dự kiến, theo khảo sát của CNBC về khả năng cắt giảm quy mô gói QE3 (5-10 tỷ USD). Mức lãi suất thấp gần 0% nhằm thúc đẩy đầu tư tiêu dùng vẫn được duy trì. Mặt khác, quyết định của FED truyền thông điệp nền kinh tế Mỹ đang cải thiện. Dòng tiền vĩ mô sẽ có xu hướng tập trung hơn vào Mỹ, sau thời gian đổ vào TTCK các nền kinh tế mới nổi. Vấn đề quan trọng cần quan tâm là rủi ro rút vốn tại các thị trường mới nổi, sau thời kỳ tăng nóng.

- Xu hướng rút vốn tại các TTCK mới nổi, trong đó có Việt Nam đã diễn ra khi FED đã tuyên bố về khả năng thu hẹp quy mô QE3 (tháng 5/2013). Với động thái giảm QE lần này, khả năng dòng vốn rút khỏi TTCK Việt Nam, đặc biệt là từ quỹ ETF, là có thể xảy ra tuy nhiên dự báo không mạnh. Vấn đề quan trọng tác động đến cung cầu thị trường là yếu tố nội tại của doanh nghiệp và triển vọng nền kinh tế, khi thực tế lực cầu trong nước chờ mua nhóm cổ phiếu quỹ ETF giảm tỷ trọng trong kỳ tái cơ cấu tháng 12.2013 không nhỏ.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 1.03 điểm (0.20%), lên 506.28 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 508.09 điểm.

- KLGD tăng 80% so với phiên trước, lên 106 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 51 điểm, tâm lý thị trường có cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục rơi rộng khoảng cách ở phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm với thanh khoản tăng đột biến sau thông tin FED chỉ giảm nhẹ quy mô gói QE3, đẩy giá vàng giảm mạnh. Xét chi tiết trong phiên, áp lực cung giá cao khá mạnh, trước tâm lý quan ngại động thái tái cơ cấu của quỹ ETF và khả năng dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi. Mức độ tăng của nhóm cổ phiếu Bluechips, đặc biệt là nhóm cổ phiếu vốn hóa thấp hơn thị trường chung. Dòng tiền vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp, không thuộc danh mục ETF, thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan trong năm 2014. Diễn biến này khiến chỉ số VN-Index đóng cửa giảm so với mức cao nhất 508 điểm đã thiết lập trong phiên, khi tiến đến ngưỡng cản của đường MA12 ngày.

Phiên giao dịch ngày mai dự kiến sẽ sôi động, với tâm điểm giao dịch của quỹ ETF, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu bán ra. Chúng tôi kỳ vọng thị trường tiếp tục diễn biến tăng điểm sau thời điểm quỹ ETF tái cơ cấu, với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là mốc 513-515 điểm.

Xét về ngắn hạn, với thông tin và động lực thị trường hiện tại, chúng tôi nghiêng về khả năng thị trường dao động tích lũy trong khoảng 505-515 điểm. Quan điểm về xu hướng tăng trung dài hạn vẫn duy trì. Do vậy vẫn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.68 điểm (1.01%), lên 67.62 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 67.81 điểm.

- KLGD tăng 140% so với phiên trước, lên 69 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 81 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp với thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, tập trung vào cổ phiếu SCR, SHB. Dòng tiền phần lớn vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu dầu khí và một số cổ phiếu thuộc ngành xây dựng.

Việc chỉ số HNX-Index đã tăng qua ngưỡng cản 67 điểm với thanh khoản tăng đột biến, cho tín hiệu khá tích cực về kỹ thuật. Tuy nhiên, đà tăng của chỉ số được hỗ trợ phần lớn từ nhóm cổ phiếu dầu khí, thanh khoản tập trung tại một nhóm cổ phiếu, độ lan tỏa sang thị trường chung không nhiều. Tương đương mức cao nhất thiết lập trong năm 2013. Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường khả năng cần nhịp điều chỉnh tích lũy kiểm định lại mốc 67 điểm, đặc biệt khi phiên giao dịch ngày mai là tâm điểm tái cơ cấu của quỹ ETF, trong đó có bán ra khá mạnh cổ phiếu SHB.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

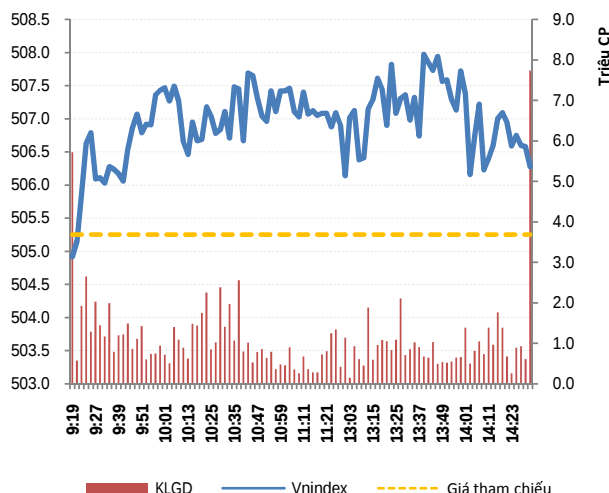
STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

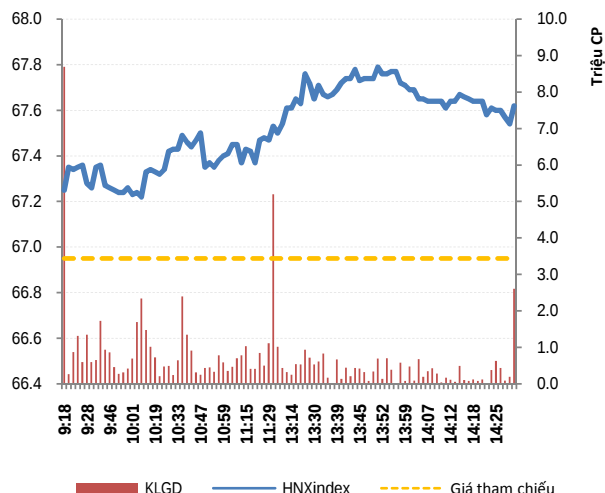
Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất

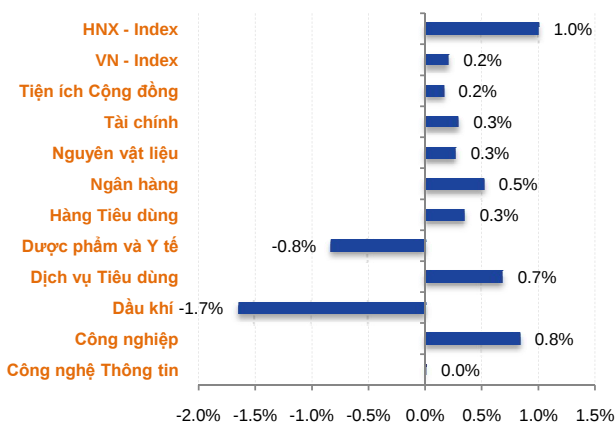
KLGD và VN-Index trong phiên



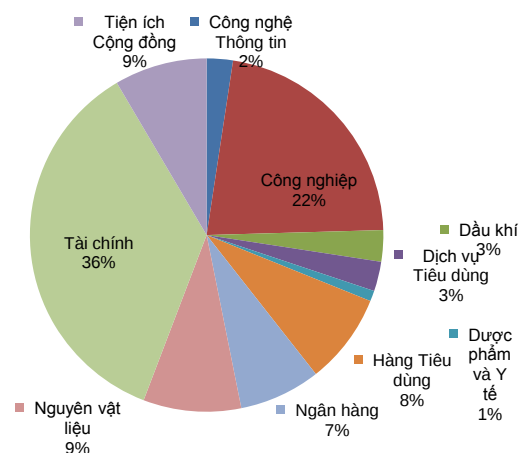
KLGD và HNX-Index trong phiên



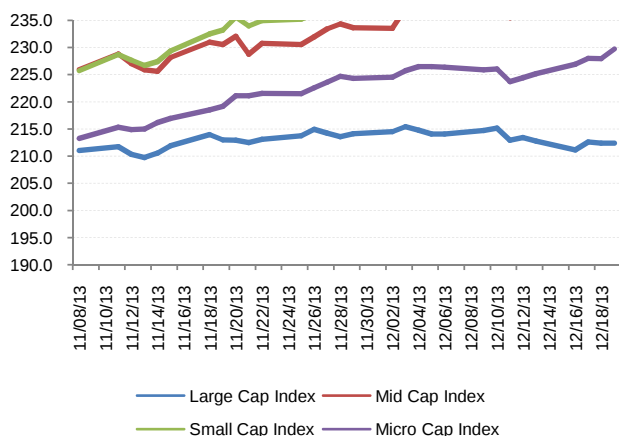
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



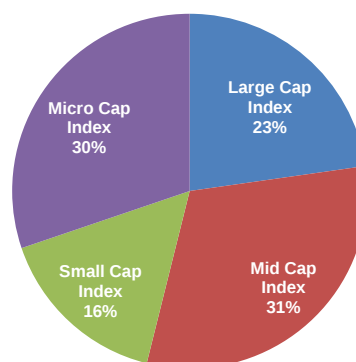
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVT	494,000	HAG	1,746,720
2	VSH	168,030	VCB	964,680
3	MSN	133,610	DPM	186,180
4	SBT	74,600	BVH	184,650
5	UDC	55,000	GAS	177,890

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DAD	26,700	SHB	4,243,625
2	IVS	20,000	SD9	91,100
3	TXM	18,700	PVX	84,700
4	VC5	16,100	PVS	35,700
5	PGS	12,800	VCR	33,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.4	6.6	↑ 3.12%	9,679,020
MCG	5.7	6.0	↑ 5.26%	5,775,620
HQC	6.9	7.3	↑ 5.80%	5,013,420
FLC	11.0	11.7	↑ 6.36%	4,537,680
OGC	11.2	11.5	↑ 2.68%	3,636,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	7.0	7.5	↑ 6.74%	17,696,172
SHB	6.8	6.9	↑ 1.49%	8,172,692
PVX	2.4	2.4	↑ 0.58%	4,033,190
VCG	10.3	10.5	↑ 1.93%	3,483,100
KLS	8.9	9.0	↑ 1.56%	2,725,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDC	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
HAR	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%
ASP	7.4	7.9	0.5	↑ 6.76%
DXG	12.1	12.9	0.8	↑ 6.61%
CTI	9.2	9.8	0.6	↑ 6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
DAC	6.1	6.7	0.6	↑ 9.84%
SFN	12.2	13.4	1.2	↑ 9.84%
QTC	35.5	39.0	3.5	↑ 9.74%
CTV	3.0	3.3	0.3	↑ 9.70%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SPM	29.0	27.0	-2.0	↓ -6.90%
SCD	23.4	21.8	-1.6	↓ -6.84%
SGT	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
RDP	15.0	14.1	-0.9	↓ -6.00%
VID	4.2	4.0	-0.2	↓ -4.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
IDV	21.5	19.4	-2.1	↓ -9.77%
TET	11.3	10.2	-1.1	↓ -9.73%
INC	5.4	4.9	-0.5	↓ -9.26%
TPP	14.6	13.3	-1.3	↓ -9.03%
TH1	30.8	28.1	-2.7	↓ -8.77%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	9,679,020	0.2%	26	256.1	0.6
MCG	5,775,620	0.3%	42	141.7	0.4
HQC	5,013,420	4.2%	452	16.1	0.7
FLC	4,537,680	6.3%	990	11.8	0.7
OGC	3,636,000	-1.8%	(196)	-	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	17,696,172	-1.1%	(160)	-	0.5
SHB	8,172,692	17.1%	1,884	3.7	0.6
PVX	4,033,190	-92.1%	(5,013)	-	0.6
VCG	3,483,100	3.4%	403	26.1	0.9
KLS	2,725,700	6.4%	810	11.2	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDC	↑ 7.0%	11.3%	1,290	7.1	0.9
HAR	↑ 6.9%	3.0%	306	30.4	0.9
ASP	↑ 6.8%	3.7%	410	19.3	0.7
DXG	↑ 6.6%	13.2%	1,494	8.6	1.2
CTI	↑ 6.5%	4.5%	537	18.2	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
DAC	↑ 9.8%	-29.8%	(5,428)	-	0.4
SFN	↑ 9.8%	15.4%	2,460	5.4	0.8
QTC	↑ 9.7%	35.6%	12,036	3.2	1.2
CTV	↑ 9.7%	-7.4%	(787)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	494,000	5.9%	680	18.7	1.1
VSH	168,030	7.7%	963	15.9	1.2
MSN	133,610	2.7%	556	153.0	4.3
SBT	74,600	18.3%	2,386	5.2	1.0
UDC	55,000	0.6%	59	90.6	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DAD	26,700	27.5%	3,639	4.5	1.1
IVS	20,000	0.0%	(1)	-	0.5
TXM	18,700	4.4%	673	7.6	0.3
VC5	16,100	6.0%	1,116	5.9	0.4
PGS	12,800	24.7%	5,502	5.3	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	121,280	40.9%	6,696	9.6	3.6
VNM	115,852	40.5%	8,053	17.3	6.9
VIC	63,611	47.1%	6,710	10.4	3.9
VCB	63,034	9.8%	1,757	15.5	1.5
MSN	62,467	2.7%	556	153.0	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
PVS	8,889	17.3%	2,872	6.9	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,400	5.9%	687	39.3	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	5.10	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
CLG	2.73	12.5%	1,402	6.9	0.8
DRH	2.58	-5.1%	(504)	-	0.3
AGF	2.45	6.2%	2,900	6.2	0.7
CDC	2.44	-0.3%	(43)	-	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.39	-0.2%	(21)	-	0.4
GGG	6.86	-566.7%	(1,900)	-	439.2
ITQ	6.78	0.4%	42	135.3	0.5
SHN	6.04	-135.7%	(2,464)	-	2.9
CVN	5.70	-43.4%	(4,323)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)